

Bản án số: 573/2020/LĐ-PT

Ngày: 24/6/2020

V/v Tranh chấp tiền lương

thử việc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Hoa

Bà Bùi Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng là Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 13/2020/TLPT-LĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp tiền lương thử việc”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 23/2019/LĐ-ST, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn ông Lê Trí T kháng cáo toàn bộ bản án.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2356/2020/QĐ-PT, ngày 11 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 5249/2020/QĐ-PT, ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trí T. Sinh năm 1984.

Địa chỉ: 5/10 đường T.H, phường LT, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần XXXXXO

Trụ sở: 626 đường V, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Tiên H. Sinh năm 1976.

Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Trọng N. Sinh năm 1990.

(Theo giấy ủy quyền ngày 23/6/2020). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2019, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 16/4/2019 và bản tự khai của các đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ, nội dung vụ án được xác định như sau:

Ông Lê Trí T trình bày:

Ông vào làm việc tại Công ty Cổ phần XXXXXO từ ngày 12/12/2018 theo hợp đồng thử việc số 04/18-HQ./HDTV, ngày 12/12/2018; Thời hạn thử việc là 03 tháng từ ngày 12/12/2018 đến ngày 12/3/2019; Tiền lương mỗi tháng là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), lãnh lương vào ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng. Công việc chính của ông T là quản lý đối tác nhà phân phối ở 24 quận, huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh và quản lý đội ngũ bán hàng gồm 06 người. Công ty có 03 nhà phân phối ở quận BT, Quận B, quận TD. Mỗi lần gặp đối tác khách hàng công ty yêu cầu ông phải báo cáo về công ty. Tiền công tác phí hàng tháng của ông tối đa 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Ngày 24/01/2019 Công ty Cổ phần XXXXXO ra quyết định cho ông thôi việc và yêu cầu ông nghỉ việc ngay ngày hôm đó, nên ông đã nghỉ việc ngay.

Sau khi nghỉ việc Công ty Cổ phần XXXXXO chưa thanh toán tiền lương và tiền công tác phí của tháng 12/2018, tháng 01/2019 cho ông, cụ thể:

- Tháng 12/2018: Tiền công tác phí là 5.363.220đ (Năm triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi đồng), trong đó: Tiền ăn là 500.000 đồng; tiền uống cà phê là 600.000 đồng; tiền điện thoại là 400.000 đồng; tiền tiếp khách là 1.500.000 đồng, hoá đơn kèm theo là 1.318.000 đồng; tiền xăng là 2.363.220 đồng từ ngày 13/12/2018 đến ngày 30/12/2018 (theo hoá đơn ông cung cấp cho Công ty Cổ phần XXXXXO chỉ có 04 hoá đơn GTGT số 0000332 ngày 29/12/2018, 0000337 ngày 30/12/2018, 0000366 ngày 31/12/2018 và 0000347 ngày 31/12/2018).

- Tháng 01/2019 tiền công tác phí là 6.500.000đ (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó: Tiền ăn là 1.000.000 đồng, tiền uống là 1.000.000 đồng, tiền điện thoại là 400.000 đồng, tiền tiếp khách là 1.600.000 đồng (có hoá đơn là 605.000 đồng đã gửi về công ty), tiền xăng của tháng 01/2019 là 2.500.000 đồng, ông đã cung cấp cho công ty 03 hoá đơn GTGT là 0000756 ngày 30/1/2019, 0000770 ngày 31/01/2019 và 0000744 ngày 29/01/2019, tháng 01/2019, ông đăng ký đồ xăng là 6.000.000 đồng, tuy nhiên ông đi công việc cho công ty hết 2.500.000 đồng, phần tiền xăng còn lại ông đi vì việc riêng.

Tiền lương tháng 01/2019, Công ty đã chuyển cho ông số tiền là 10.318.000 đồng (Trong đó 9.000.000 đồng là tiền lương và 1.318.000 đồng là tiền công tác phí), hiện Công ty còn thiếu ông 230.000 đồng.

- Tổng số tiền ông yêu cầu Công ty Cổ phần XXXXXO phải trả là 10.775.000đ (Mười triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi phát

sinh của số tiền trên theo lãi suất ngân hàng là 0,6%/tháng tính từ ngày 07/02/2019 đến ngày xét xử số tiền là 640.000đ (Sáu trăm, bốn mươi nghìn đồng). Tổng số tiền yêu cầu là 11.415.000đ (Mười một triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng). Trong đó:

- Tiền lương tháng 01/2019 là 230.000đ (Hai trăm, ba mươi nghìn đồng);
- Tiền công tác phí của tháng 12/2018 và tháng 01/2019 là 11.863.000đ (trừ đi số tiền công tác phí Công ty đã chuyển khoản cho ông là 1.318.000 đồng). Công ty Cổ phần XXXXXO còn nợ ông tiền công tác phí là 10.545.000đ (Mười triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).
- Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Ông Lê Trí T trình bày:

Đối với tiền công tác phí Công ty khoán cho ông là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) nên ông được phép sử dụng số tiền trên mà không cần phải chứng minh, việc Công ty yêu cầu ông nộp hóa đơn thì ông đi lấy hóa đơn để nộp cho công ty cho nó có thôi, chứ số tiền bao nhiêu trong hóa đơn là không quan trọng.

Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần XXXXXO phải trả cho ông tiền lương còn thiếu của tháng 01/2019 số tiền là 230.000đ (Hai trăm ba mươi nghìn đồng), tiền công tác phí còn thiếu của tháng 12/2018 và tháng 01/2019 là 10.545.000đ (Mười triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông yêu cầu Công ty Cổ phần XXXXXO phải trả là 10.775.000đ (Mười triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh của số tiền trên theo lãi suất ngân hàng là 0,6%/tháng tính từ ngày 07/02/2019 đến ngày xét xử số tiền là 640.000đ (Sáu trăm, bốn mươi nghìn đồng). Tổng số tiền ông yêu cầu Công ty Cổ phần XXXXXO thanh toán là 11.415.000đ (Mười một triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng), thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Huỳnh Tiến H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Cổ phần XXXXXO trình bày:

Trước đây Công ty Cổ phần XXXXXO do bà Nguyễn Hoàng X.Q là người đại diện theo pháp luật. Hiện nay bà đã mua lại Công ty Cổ phần XXXXXO và ngày 15/11/2019 bà được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số thuế doanh nghiệp là 0312270403 do bà là người đại diện theo pháp luật.

Bà xác định trước đây Công ty Cổ phần XXXXXO do bà Nguyễn Hoàng X.Q là người đại diện theo pháp luật và ông Lê Trí T có ký hợp đồng thử việc số 04/18-HQ./HDTV, ngày 12/12/2018. Theo nội dung hợp đồng lương thử việc mỗi tháng là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), tiền công tác phí tối đa mỗi tháng là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Trong quá trình thử việc, Công ty Cổ phần XXXXXO nhận thấy ông T chưa phù hợp với vị trí quản lý chăm sóc nhà phân phối nên đã mời ông T đến Công ty để trao đổi về quyết định cho ông T

thôi giữ chức vụ trên và ông T đã đồng ý. Ông T khởi kiện Công ty Cổ phần XXXXXO yêu cầu thanh toán tiền lương và tiền công tác phí công ty còn thiếu bà có ý kiến như sau:

- Về tiền lương ông Lê Trí T trình bày Công ty Cổ phần XXXXXO đồng ý trả số tiền lương là 230.000 đồng cho ông T và tiền lãi trên số tiền nợ lương theo yêu cầu của ông T.

- Về tiền công tác phí tháng 12 năm 2018 và tháng 01 năm 2019 là 10.545.000đ (Mười triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) bà không đồng ý thanh toán cho ông Lê Trí T, với các lý do:

+ Ông T đang trong thời gian thử việc, khi đi công tác phải thông báo cho công ty biết và nếu có chi phí phát sinh phải có hóa đơn hợp lệ nộp cho công ty thì mới được thanh toán tiền công tác phí. Tuy nhiên, trong thời gian thử việc ông T đi công tác ở đâu, làm gì, gặp khách hàng nào ông T không thông báo cho giám đốc trước đây của Công ty Cổ phần XXXXXO là bà Nguyễn Hoàng X.Q.

+ Các hóa đơn ông T nộp cho Công ty Cổ phần XXXXXO là những hóa đơn không hợp lệ, không có tên người mua hàng và không có chữ ký người mua hàng, mặt khác các hóa đơn mua xăng ông T cung cấp thì mỗi ngày ông T đi với số tiền xăng rất lớn, trong khi địa bàn làm việc của ông T ở Thành phố Hồ Chí Minh và ông T đi làm việc bằng xe máy thì đây là số tiền không hợp lý. Trong thời gian làm việc ở Công ty Cổ phần XXXXXO, ông T làm việc với cấp trên trực tiếp là ông Hồ Việt Thắng, theo ông T nói ông Thắng là giám đốc quản lý toàn quốc. Tuy nhiên, qua đối chiếu sổ sách thì Công ty Cổ phần XXXXXO không ký hợp đồng lao động với ông Hồ Việt Thắng và bà không biết ông Hồ Việt Thắng là ai, vì ông Lê Trí T là cấp quản lý nên về nguyên tắc ông T phải báo cáo công việc trực tiếp với người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần XXXXXO nhưng ông T làm gì, đi đâu ông T hoàn toàn không thông báo về công ty. Do đó, nhận thấy ông T làm việc không hiệu quả nên Công ty Cổ phần XXXXXO mới cho ông T nghỉ việc.

Vì ông T quản lý địa bàn ở Thành phố Hồ Chí Minh nên ông T không có tiền công tác phí ăn ở tại khách sạn. Trong quá trình thử việc, Công ty Cổ phần XXXXXO nhận thấy ông T chưa phù hợp với vị trí quản lý chăm sóc nhà phân phối nên đã mời ông T đến công ty để trao đổi về quyết định cho ông T thôi giữ chức vụ trên và ông T đã đồng ý. Công ty Cổ phần XXXXXO đã trả lương đến tháng 01/2019 bằng hình thức chuyển khoản cho ông T.

- Về tiền lương tháng 01/2019, từ ngày 01/1/2019 đến ngày 24/01/2019, trừ thứ 7 và chủ nhật, ông T làm 18 ngày, Công ty đã trả cho ông T 9.000.000đ (Chín triệu đồng) là đủ.

- Về tiền công tác phí:

+ Tiền tiếp khách có hóa đơn của tháng 12/2018, Công ty đã chuyển khoản thanh toán cho ông T số tiền là 1.318.000đ (Một triệu, ba trăm mười tám nghìn đồng).

+ Đối với khoản tiền công tác phí tháng 01/2019 là 605.000đ (Sáu trăm lẻ năm nghìn đồng) ông T có xuất trình được hóa đơn nên Công ty cũng đồng ý thanh toán cho ông T số tiền trên.

+ Tiền công tác phí là tiền xăng: Ông T đi xe máy, mỗi lần thanh toán tiền xăng đến 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là không phù hợp và không đúng thực tế nên Công ty Cổ phần XXXXXO không đồng ý thanh toán.

Án sơ thẩm đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần XXXXXO phải trả cho ông Lê Trí T tiền lương còn thiếu là 230.000đ (Hai trăm ba mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền lương chậm trả số tiền là 13.432đ (Mười ba nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Trí T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần XXXXXO phải thanh toán tiền công tác phí số tiền là 11.171.568đ (Mười một triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 10.545.000đ (Mười triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh là 626.568đ (Sáu trăm, hai mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại, nơi người phải thi hành án mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn ông Lê Trí T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T trình bày ý kiến:

Ông không có nhiệm vụ chứng minh chi tiết cung cấp chứng từ các khoản tiền chi công tác phí vì các khoản chi này là chi phí khoán cơ bản phải chi trong tháng để đi làm việc hàng ngày thuộc chi phí cơ bản nằm trong phụ cấp, xăng xe, điện thoại ăn uống tiếp khách phải có của cấp độ bán hàng khu vực 24 quận huyện, khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, việc nói hóa đơn mua hàng thiếu chữ ký của ông, không quan trọng, ông có thể ký bổ sung. Đề nghị khoản công tác phí được chấp nhận theo thỏa thuận về khoản khoán khi giao kết hợp đồng thử việc là 8.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lê Trí T Và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì ông T không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo được chấp nhận.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo pháp luật của công ty bà Huỳnh Tiến H đồng ý ủy quyền cho ông Dương Trọng N được đại diện tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách đại diện của ông Nhân tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ lao động: Hợp đồng thử việc số 04/18-HQ./HDTV, ngày 12 tháng 12 năm 2018 do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần XXXXXO là bà Nguyễn Hoàng X.Q ký với người lao động là ông Lê Trí T, nên hợp pháp về mặt hình thức. Mặc dù Hợp đồng lao động thử việc có thời hạn 03 tháng là không đúng với Điều 27 Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, sau khi người lao động làm việc được hơn một tháng mười lăm ngày, hai bên thỏa thuận chấm dứt việc thử việc là hợp pháp, ông Lê Trí T khởi kiện đòi tiền lương trong quan hệ thử việc là phù hợp quan hệ hợp đồng thử việc, có tranh chấp lương nên được chấp nhận để xem xét.

- Về nội dung hợp đồng: Theo hợp đồng thử việc ngày 12/12/2018, ông T ký với Công ty Cổ phần XXXXXO có bà Hoàng Thị Xuân Quyên đại diện theo pháp luật ký kết.

Tại điều mục B của hợp đồng quy định phần nghĩa vụ thì người lao động có nghĩa vụ phối hợp trong sự phân công, điều hành bằng văn bản hay bằng miệng của Giám đốc Công ty kể cả cá nhân Ban Giám đốc bổ nhiệm hay ủy quyền phụ trách) điều này cho thấy là không nhất thiết bên sử dụng lao động đối với người lao động phải bằng văn bản. Về việc yêu cầu đưa ông Hồ Việt Thắng vào tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định ko cần thiết vì quan hệ lao động được xác lập bằng hợp đồng thử việc và người sử dụng lao động đã trả lương cho ông T trong thời gian thử việc, do vậy việc Công ty cho rằng không biết ông Hồ Việt Thắng cũng không có ý nghĩa là không chấp nhận tư cách lao động của ông T, mà phải dựa vào hợp đồng lao động đã ký kết giữa hai bên để điều chỉnh các mối quan hệ giữa hai bên khi xảy ra tranh chấp.

Tại Điều 2 Mục B của hợp đồng phía người lao động ông T có nghĩa vụ “Nắm rõ và chấp hành nghiêm túc nội quy lao động, quy chế của Công ty, kỷ luật lao động và an toàn lao động.

Thực hiện hợp đồng, ông Lê Trí T vào làm việc tại Công ty Cổ phần XXXXXO từ ngày 12/12/2018 đến ngày 24/01/2019 thì Công ty Cổ phần XXXXXO cho ông Lê Trí T thôi việc. Như vậy, việc thử việc đã được thực hiện trong phạm vi dưới hai tháng (60 ngày) với tính chất công việc của ông T là thực hiện công việc quản lý bán hàng khu vực, đạt trình độ chuyên môn trung cấp nghề, thời gian thử việc không quá 30 ngày, nhưng Công ty đã cho ông T thử việc đến 01 tháng 12 ngày. Sau đó Công ty mới cho ông T thôi việc.

Ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc Công ty Cổ phần XXXXXO phải thanh toán tiền công tác phí còn thiếu 02 tháng là tháng 12 và tháng 1 với tổng số tiền là 10.545.000đ (Mười triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Trong đó, ông T nêu tiền công tác phí tháng 12 năm 2018, ông yêu cầu là 5.363.220 đồng. Gồm: Tiền ăn là 500.000 đồng, tiền uống cà phê là 600.000 đồng, tiền điện thoại là 400.000 đồng; tiền tiếp khách ông đòi 1.500.000 đồng Ông T chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần XXXXXO trả tiền xăng của tháng 12/2018 là 2.363.220 đồng.

Công tác phí tháng 01/2019: Yêu cầu là 6.500.000 đồng trong đó tiền ăn là 1.000.000 đồng, tiền uống cà phê là 1.000.000 đồng, tiền điện thoại là 400.000 đồng. (Các khoản này ông không có hóa đơn)

Tiền tiếp khách là 1.600.000 đồng, trong đó có hóa đơn là 650.000 đồng. Tiền xăng tháng 1/2019 là 2.500.000 đồng.

Xét cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu này của ông T với lý do dù công tác phí mỗi tháng 8.000.000 đồng nhưng các hóa đơn ông T nộp không hợp lệ và không chứng minh được ông T đã sử dụng khoản tiền trên cho mục đích công việc và hoạt động của công ty.

Qua thẩm vấn Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng ông chỉ làm theo hợp đồng chứ không hề biết quy chế của công ty, và số tiền 8.000.000 đồng công tác phí được quy định ông có quyền sử dụng, miễn không vượt quá mức cho phép. Tuy nhiên, qua xét hỏi Hội đồng phúc thẩm nhận thấy chính trong hợp đồng đã quy định điều khoản về nghĩa vụ của ông là “Nắm rõ và chấp hành nghiêm túc nội quy lao động, quy chế của Công ty, kỷ luật lao động và an toàn lao động”, nên việc ông T trình bày rằng ông không có ký vào quy chế và không biết quy chế công ty là không đúng với nghĩa vụ của người lao động mà ông đã ký trong hợp đồng thử việc.

Về yêu cầu đòi chi phí công tác: Cấp sơ thẩm nhận định đó đó là khoản tiền được bổ sung theo lương của người lao động, được luật quy định tại Thông tư số 23 là khoản tiền số 23/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định: “Các khoản bổ sung khác là khoản tiền ngoài mức lương, phụ cấp lương và có liên quan đến thực hiện công việc

hoặc chức danh trong hợp đồng lao động...” nên buộc ông T phải có nghĩa vụ phải chứng minh các khoản ông đã chi có liên quan đến thực hiện công việc cho Công ty Cổ phần XXXXXO hoặc chức danh trong hợp đồng.

Đối chiếu chứng cứ khi ông T xuất trình, thì thấy riêng khoản tiền xăng xe: Quy chế có quy định chỉ thanh toán khi hóa đơn xăng hợp lệ, hợp lý, phải có chữ ký của bên mua hàng, cho nên các chứng từ ông Toàn đưa ra khi yêu cầu tiền xăng một mặt là không hợp lý khi các cửa hàng xăng không thể có việc cung cấp hóa đơn thuế giá trị gia tăng cho khách hàng, khi mỗi ngày mua hàng đến hết tháng mới xuất hóa đơn một lần; ngày đi công tác tốn 1.000.000 đồng tiền xăng, và hóa đơn xăng lại thể hiện là mỗi ngày trả 1.000.000 đồng tiền xăng trong ngày 29, 30, 31 tháng 12 là không phù hợp với tính chất công việc sử dụng phương tiện xe máy, nên sơ thẩm không chấp nhận tính tiền xăng công tác phí tháng 12 và tháng 01/2019 trong khi các hóa đơn do ông T nộp không phù hợp theo quy định về hóa đơn giá trị gia tăng và quy chế công ty. Việc ông yêu cầu tính tiền xăng cho tháng 1/2019 chỉ có 2.500.000 đồng nhưng không có chứng từ nào phù hợp cho việc tiêu thụ xăng trong 12 ngày lao động tháng 01/2019, mà ông đã công tác trong tháng 1/2019, các hóa đơn xăng của tháng 1 năm 2019 đều lập sau ngày ông T nghỉ việc, lý do ông T khai trình tại tòa mua xăng trước và viết hóa đơn cuối tháng không phù hợp thực tế, vì vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu về tiền xăng là có cơ sở, cấp phúc thẩm giữ nguyên quan điểm của sơ thẩm nên không chấp nhận kháng cáo của ông T đối với yêu cầu đòi tiền công tác phí về xăng khi ông xuất trình hóa đơn không phù hợp.

Tương tự do ông T hoặc xuất trình chứng cứ về hóa đơn giao dịch trong ăn uống, hoặc không có chứng từ cho các chi phí điện thoại, là không tuân thủ quy chế hoạt động công ty về công tác phí. Tại Điều 4 Quy chế công tác phí có quy định về chứng từ: *“Phải nộp về phòng kế toán trong 10 ngày sau khi kết thúc chuyến công tác. Hóa đơn thuế giá trị gia tăng phải có đầy đủ thông tin chính xác nguyên vẹn và chữ ký họ tên của người mua hàng”*.

Ông T đã không thực hiện việc báo cho Công ty và giao nộp chứng từ để khi khởi kiện mới yêu cầu.

Về các hóa đơn tiền điện thoại ông T không có sao kê chứng minh cho yêu cầu này. Tiền tiếp khách ông chỉ chứng minh được hóa đơn tiếp khách tháng 12/2018 là 1.318.000 đồng. Trong khi ông yêu cầu là 1.500.000 đồng. Công ty đã thanh toán cho ông số tiền 1.318,000 đồng là phù hợp nên cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu này. Phần này Công ty đồng ý chi trả nhưng ông T kháng cáo, cấp sơ thẩm có nhận định nhưng lại cho rằng Công ty đã chuyển khoản trả cho ông T rồi, riêng tại phiên tòa phúc thẩm ông T nói chưa nhận được. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy tại Biên bản hòa giải ngày 01/8/2019, ông T cho rằng ông đã nhận công tác phí 1.318,000 đồng vào tháng 01/2019. Như vậy là công ty đã thanh toán khoản tiền ngoài phần chênh lệch này của ông, nên cấp sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận phần tiền 182.000 đồng vì nằm ngoài 02 hóa đơn số tiền mà ông cung cấp là 1.318.000 đồng nhưng lại kê khai thành

1.500.000 đồng, nên cấp phúc thẩm thống nhất cách giải quyết này của sơ thẩm, bác kháng cáo của ông T đối với số tiền phí công tác tháng 12 năm 2018.

Riêng tháng 01 năm 2019 đối với các khoản chi không có hóa đơn là 3.395.000 đồng và hóa đơn xăng không hợp lệ cụ thể số tiền là 2.500.000 đồng. Tiền tiếp khách tháng 01/2019 là 1.600.000 đồng, trong đó có hóa đơn là 605.000 đồng; tiền ăn là 1.000.000 đồng, tiền uống cà phê là 1.000.000 đồng, tiền điện thoại là 400.000 đồng vừa không có hóa đơn để chứng minh, vừa chi không tuân thủ quy chế công ty, cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu chi phí công tác phí tháng 01/2019 của ông T, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng quan điểm với cấp sơ thẩm vì ông T không có các chứng từ thanh toán để hội đồng xét xử đánh giá chứng cứ việc sử dụng chi phí của ông có phù hợp quy định của công ty.

Về tiền lãi: Ông T yêu cầu mức lãi là 0.6%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Do cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu đòi số tiền lương còn thiếu 230.000 đồng nên tính lãi trên 230.000 đồng từ ngày 07/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.432 đồng. Tổng cộng là 243.432 đồng. Cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu này phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc Công ty Cổ phần XXXXXO phải trả lãi trên số tiền chậm trả là 230.000 đồng, số tiền là 13.432 đ (Mười ba nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng).

Về thời hạn thanh toán: Do Công ty Cổ phần XXXXXO vi phạm thời gian thanh toán đã lâu nên việc ông Lê Trí T yêu cầu Công ty Cổ phần XXXXXO trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Lê Trí T được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 227, 228, 244, 270, 271, 278, 307, 293, 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26, 27, 28, 29, 63, 90, 96 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào Thông tư 23/2015/TT-BLĐTBXH, ngày 23/6/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương

của Nghị định 05/2015/NĐ-CP, ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Trí T.

Giữ y án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần XXXXXO phải trả cho ông Lê Trí T tiền lương còn thiếu là 230.000đ (Hai trăm ba chục nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền lương chậm trả số tiền là 13.432đ (Mười ba nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Trí T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần XXXXXO phải thanh toán tiền công tác phí số tiền là 11.171.568đ (Mười một triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 10.545.000đ (Mười triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh là 626.568đ (Sáu trăm, hai mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại, nơi người phải thi hành án mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

2. Về án phí:

Ông Lê Trí T được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần XXXXXO phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Ông Lê Trí T được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân quận BT (2);
- Chi cục THA Dân sự quận BT (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu. 22b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoàng Hoa